

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-PT

Ngày 11-9-2023

V/v: Tranh chấp yêu cầu tuyên
bố hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất vô hiệu

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Kim Liên

Các Thẩm phán:

Ông Đỗ Tuấn Long

Bà Lại Thị Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Kiều Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023 về việc Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Sông Thị M; Sinh năm 1969; Địa chỉ: Bản S, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – bà Sông Thị M: Ông Đặng Văn Q – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh S. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H; Sinh năm 1979. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H là bà Lâm Thị L; Sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ F, thị trấn Nông Trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái (Văn bản ủy quyền ngày 24/8/2023). Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

- Ông Mùa A U'; Sinh năm 1967; Địa chỉ: Bản S, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Mùa A U': Ông Đặng Văn Q – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh S. Có mặt

- Anh Mùa A T; Sinh năm 1996; Địa chỉ: Bản S, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt

- Anh Mùa A C; Sinh năm 1988; Địa chỉ: Bản S, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

- Chị Mùa Thị G; Sinh năm 1989; Địa chỉ: Bản S, Hồ N, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

- Anh Mùa A C1; Sinh năm 1995; Địa chỉ: Bản S, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

- Chị Mùa Thị C2; Sinh năm 1997; Địa chỉ: Bản S, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

- Chị Mùa Thị L1; Sinh năm 1998; Địa chỉ: Bản S, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mùa A U', anh Mùa A C, chị Mùa Thị G, anh Mùa A C1, chị Mùa Thị C2, chị Mùa Thị L1 là: Anh Mùa A T; Sinh năm 1996; Địa chỉ: Bản S, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La (Theo Giấy ủy quyền ngày 11/09/2023).

- Bà Lâm Thị L; Sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ F, thị trấn Nông Trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt

* Người phiên dịch: Ông Mùa A C3, địa chỉ: Bản S, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Người kháng cáo :

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H; Sinh năm 1979. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Thị L. Địa chỉ: Tổ F, thị trấn Nông Trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa:***

Nguyên đơn bà Sông Thị M trình bày: Bà là vợ hợp pháp của ông Mùa A U'. Vợ chồng ông bà có mảnh đất diện tích 15.039,4 m² tại khu L, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Ngày 19 tháng 4 năm 2022, ông Mùa A U' có chuyển nhượng một phần đất trồng cây cho ông Nguyễn Văn H với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND huyện B cấp cho hộ gia đình ông Mùa A U' và bà Sông Thị M, địa chỉ: Bản S, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 5 diện tích 15.039,4 m², địa chỉ: Khu L, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác, thời hạn sử dụng: 22/12/2066; nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Ông Mùa A U' và ông H nói chuyện và thống nhất nhưng bà M không biết tiếng phổ thông không nghe hiểu được. Sau đó, ông H yêu cầu giao thẻ căn cước của bà M, ông U' và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H để ông H mang về huyện P. Gia đình yêu cầu ông H mang giấy tờ lên để thống nhất lại nhưng gọi điện thoại cho ông H trong hai tháng liên tục ông H không mang giấy tờ lên. Lúc này cả nhà bà mới biết ông H đã tự viết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình tôi. Bà không nhất trí chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho ông H, yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải trả lại đất gia đình bà và gia đình bà sẽ trả lại số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) cho ông Nguyễn Văn H.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Vào ngày 19/4/2022 ông H có mua của ông Mùa A U' một thửa đất ở bản Suối Háo B, xã H, huyện B với diện tích là 15.039,4 m², địa chỉ: Khu L, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND huyện B cấp cho hộ ông Mùa A U', bà Sông Thị M với giá chuyển nhượng là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Mục đích ông H mua đất để làm thủ tục khai thác đất tại khu vực Suối Háo B, xã H ông H xác định giữa ông H và ông U', bà M thỏa thuận hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa đất để làm thủ tục xin cấp giấy phép khai thác, sau khi khai thác xong ông H sẽ lấp trả lại mặt bằng trả toàn bộ tích đất cho gia đình ông U'. Hai bên đã thỏa thuận có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Sau khi thanh toán tiền cho gia đình ông Mùa A U', một thời gian sau ông U' đến báo cáo với xã H là không đồng ý chuyển nhượng đất cho ông H vì vợ ông là bà Sông Thị M không đồng ý. Ông H xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình ông U' và ông là hợp pháp nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại đất của bà Sông Thị M.

** Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mùa A U':*

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, ông Mùa A U có thỏa thuận cho ông Nguyễn Văn H khai thác đất sét trắng trên phần diện tích đất trồng cây của gia đình ông U nhưng phần đất ruộng không làm. Ông H có thỏa thuận với U là sẽ khai thác sau đó gia đình muốn san mặt bằng thì ông H sẽ san cho. Hai bên thỏa thuận nhưng không lập biên bản, giấy tờ gì, ông H đưa cho U số tiền 200.000.000 đồng và lấy đi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông U căn cước công dân của hai vợ chồng U và con trai ông U là Mùa A T. Ông H mang giấy tờ đi 02 tháng, ông U sợ họ bán đất nên gọi điện cho ông H để thỏa thuận lại thì ông H và bà L có lên nhà ông U đưa cho ông U 01 bản hợp đồng viết sẵn bảo ông U ký vào, do không biết chữ và tin tưởng ông H nên ông U đã ký vào hợp đồng, sau khi ký xong ông U mới biết trong giấy chuyển nhượng ghi chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 15.0394 m² bao gồm cả diện tích đất ruộng mà ban đầu thỏa thuận không làm đến phần đất ruộng nên ông không nhất trí. Ông H nói thỏa thuận rồi cứ làm theo thỏa thuận, sau khi khai thác xong sẽ trả lại toàn bộ mặt bằng cho gia đình ông U, bà M. Bà Sông Thị M có đơn yêu cầu hủy hợp đồng nhượng quyền sử dụng đất ông U nhất trí với ý kiến của bà M vì đất là tài sản chung của gia đình, ông U sẽ có trách nhiệm trả lại số tiền là 200.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn H.

** Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mùa A C, chị Mùa Thị G, chị Mùa Thị C2, chị Mùa Thị L1 và anh Mùa A C1:* Các anh chị là con ruột của ông Mùa A U và bà Sông Thị M. Việc ông Mùa A U chuyển nhượng diện tích đất của gia đình cho ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị L, các anh chị đều không biết và không nhất trí việc chuyển nhượng đất trên, đề nghị tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

** Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị L:* Bà L và ông Nguyễn Văn H có thỏa thuận thống nhất, ông Mùa A U chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất hơn 15000 m² với giá 200.000.000 đồng. Bà L và ông H đã giao đủ tiền cho ông U. Đến nay bà Sông Thị M khởi kiện đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà L không nhất trí.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Đ 39, Điều 228, Điều 271, Điều 273; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015; Điều 117, Điều 122, Điều 129, Điều 131, Điều 407 Bộ Luật Dân sự năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 12; điểm a khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sông Thị M.

2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/4/2022 giữa ông Mùa A U' và ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị L vô hiệu.

Trả lại ông Nguyễn Văn H bà Lâm Thị L số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo biên lai thu số AA 2021/0001215 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/6/2023 ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị L có đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của bà Lâm Thị L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị L và ông Mùa A U' có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của nguyên đơn bà Sông Thị M: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của ông Đặng Văn Q, trợ giúp viên pháp lý là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mùa A U' và ý kiến của anh Mùa A T là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mùa A U', anh Mùa A C, chị Mùa Thị G, anh Mùa A C1, chị Mùa Thị C2, chị Mùa Thị L1: Nhất trí với ý kiến của nguyên đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị L, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/6/2023 ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị L trong hạn luật định, đảm bảo về hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, do vậy được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn khởi kiện về yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng ông Mùa A U' với bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị L là vô hiệu. Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mùa A U', anh Mùa A C, chị Mùa Thị G, Mùa Thị C2, Mùa Thị L1, anh Mùa A C1 đều đã có văn bản ủy quyền cho anh Mùa A T tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Những người liên quan vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử theo quy định Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và những tài liệu, chứng cứ thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định ngày 19/4/2022 giữa ông Mùa A U' và ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị L đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Theo nội dung hợp đồng thì ông Mùa A U' chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 15.039,4 m² thửa đất số 101, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: Khu L, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH019123 ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B cho ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị L với giá là 200.000.000đ.

[2.1] Về hình thức hợp đồng:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập ngày 19/4/2022 giữa ông Mùa A U' và ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị L được lập thành văn bản nhưng không được công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, chỉ có xác nhận của UBND xã H về việc ông Mùa A U' có hộ khẩu thường trú tại bản S, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La là không đúng quy định về hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung hợp đồng:

Theo quy định tại Điều 398 và Điều 501 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì các bên trong hợp đồng có quyền thỏa thuận về nội dung trong hợp đồng. Trên thực tế, ông Mùa A U chỉ thỏa thuận cho ông Nguyễn Văn H khai thác đất sét trắng trên diện tích đất ngoài diện tích đất ruộng của gia đình ông U nhưng khi ông Nguyễn Văn H lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 15.039,4 m² thửa đất số 101, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: Khu L, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND huyện B là không đúng với ý chí, nguyện vọng của ông Mùa A U.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3240/QĐ- UBND ngày 22/12/2016 của UBND huyện B cấp cho hộ gia đình ông Mùa A U và bà Sông Thị M. Biên bản xác minh ngày 09/8/2023, đại diện chi nhánh Văn phòng đăng kí đất đai huyện B có ý kiến: Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3240/QĐ- UBND ngày 22/12/2016 của UBND huyện B cấp cho hộ gia đình ông Mùa A U và bà Sông Thị M thì hộ gia đình gồm có: ông Mùa A U, bà Sông Thị M và các con Mùa A C, Mùa A C1, Mùa A T, Mùa Thị G, Mùa Thị C2, Mùa Thị Li . Trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ có ông Mùa A U ký tên mà không có các thành viên trong hộ gia đình ký tên trong hợp đồng, vợ ông Mùa A U là bà Sông Thị M và con trai là Mùa A T không đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên nên việc chuyển nhượng không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên trong hộ gia đình.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, nội dung thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Mùa A U và ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị L là vô hiệu cả về hình thức và nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu:

Tại thời điểm giao dịch, ông Mùa A U đã tự ý thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất được cấp cho hộ gia đình, không có sự bàn bạc, thống nhất với các thành viên trong gia đình cho ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị L. Ông U đã nhận đủ số tiền ông Nguyễn Văn H trả là 200.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị L biết việc ông Mùa A U chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ngoài diện tích đất ruộng nhưng vẫn lập giấy chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng ý chí của ông Mùa A U, ông Mùa A U không biết chữ nên đã tin tưởng và ký nhận vào hợp đồng chuyển nhượng. Như vậy, cả ông Mùa A U và ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị L đều có lỗi trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất này. Sau khi hai bên xác lập hợp đồng, bà Sông Thị M đã biết

sự việc và gửi đơn yêu cầu cơ quan chức năng giải quyết ngay nên chưa có thiệt hại xảy ra trong giao dịch dân sự này.

Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Mùa A U' và ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị L vô hiệu nên các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Ông Mùa A U' chưa thực hiện bàn giao đất cho ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị L đồng thời đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3240/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND huyện B cấp cho hộ gia đình ông Mùa A U' và bà Sòng Thị M nên không có trách nhiệm của ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị L đối với ông Mùa A U', bà Sòng Thị M1 trong vụ án này.

Buộc ông Mùa A U' phải trả lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị L số tiền 200.000.000 đồng mà ông U' đã nhận của ông H và bà L, Ngày 05/5/2023 ông Mùa A U' đã thực hiện nộp số tiền trên cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Yên theo biên lai thu số AA/2021/0001215 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La. Do vậy, cấp sơ thẩm tuyên trả số tiền trên cho ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị L là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bắc Yên.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định, do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001418 ngày 04 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

Bà Lâm Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001424 ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí và chi phí tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (11/9/2023).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long

Lại Thị Hiếu

Đieu Thị Kim Liên

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Bắc Yên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Yên;
- Đường sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV- THA
- Lưu hồ sơ

Đieu Thị Kim Liên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long

Lại Thị Hiếu

Đieu Thị Kim Liên